

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2022/HC-PT

Ngày 13/9/2022

V/v: “*Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 108/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “*Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2188/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Trần Tuấn N. Địa chỉ: số 3 đường P, tổ dân phố 13, phường N1, thị Xã N2, Khánh Hòa. Có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Trần Thu V. Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường N1, thị xã N2, Khánh Hòa. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Văn P1 - Luật sư, Công ty luật Khánh Hòa - Chi nhánh N2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt;

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã N2, tỉnh Khánh Hòa. *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Hồng H - Phó Chủ tịch UBND thị xã N2. Có Đơn đề nghị xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Sơn V - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N2. Cùng địa chủ số 999 Đường T,

phường N1, thị xã N2, tỉnh Khánh Hòa. Có Đơn đề nghị xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị K. Có mặt;
2. Ông Trần Đăng Q. Có mặt;
3. Bà Trần Ngọc C. Vắng mặt.
4. Ông Trần Ngọc T1. Vắng mặt.

Cùng trú tại: tổ dân phố 11, phường N1, thị xã N2, tỉnh Khánh Hòa.

5. Bà Trần Thị Ngọc T2. Địa chỉ: 18B Đường T, phường N1, thị xã N2. Vắng mặt.

6. Ông Trần Tuấn K1. Địa chỉ: 231 Đường T, phường N1, thị xã N2, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

7. Ông Trần Tuấn Ng. Địa chỉ: thôn Tân Bình, xã Ninh Bình, thị xã N2, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

8. Ông Trần Tuấn Th. Địa chỉ: 215 Đường T, phường N1, thị xã N2, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

9. Bà Trần Thị Ngọc Th1. Vắng mặt.

10. Ông Trần Tuấn H1. Vắng mặt.

11. Bà Trần Thị Ngọc Th2. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 225 Đường T, phường N1, thị xã N2, tỉnh Khánh Hòa.

Người kháng cáo: bà Trần Thị K. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09/5/2020, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/6/2020 và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Trần Tuấn N và người đại diện theo ủy quyền và Dương Thị Trần Thu V trình bày:

Cụ Trần T3 và cụ Nguyễn Thị T4 sinh được 09 người con: Trần Tuấn L, Trần Tuấn N, Trần Thị Ngọc T2, Trần Tuấn K1, Trần Thị Ngọc Th1, Trần Tuấn Ng, Trần Tuấn Th, Trần Tuấn H1 và Trần Thị Ngọc Th2. Ngày 30/8/1981, cụ Trần T3 và cụ Nguyễn Thị T4 có mua nhà, đất tại thửa số 83, tờ bản đồ số 55, diện tích 170,5m²; trên đất có một ngôi nhà cấp 4, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ, nền xi măng, diện tích xây dựng 62,4m² của cụ Nguyễn Thị Tr. Trong thời gian đó, do gia đình ông Trần Tuấn L (con ruột của cụ T3 và cụ T4) và vợ là Trần Thị K không có nhà nên được cụ T3 và cụ T4 cho ở tạm.

Ngày 17/11/2009, ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn N2 (nay là

UBND phường N1) mời cụ Nguyễn Thị T4 đến UBND thị trấn N2 để bổ sung hồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy mời do ông Lê Thanh S ký) nhưng thời gian này cụ T3 và cụ T4 bệnh nặng, các con lo chữa bệnh cho cha mẹ nên không đến làm thủ tục theo yêu cầu của UBND thị trấn N2.

Ngày 24/6/2010 cụ Trần T3 chết; ngày 25/8/2013 cụ Nguyễn Thị T4 chết; ngày 01/4/2014 ông Trần Tuấn L chết.

Ngày 21/10/2019, bà Trần Thị K mang “*Giấy xin xác nhận họ tộc v/v Quyền sở hữu đất và nhà ở do ông bà nội cho cha- mẹ*” và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 537909, số vào sổ cấp GCN: CH-01589, ngày 21/6/2018, thửa đất số 83, Tờ bản đồ số 55, diện tích 170,5m², mục đích sử dụng: Sử dụng riêng, do UBND thị xã N2 cấp cho bà Trần Thị K (viết tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH-01589) đến gặp anh em ông N yêu cầu xác nhận thửa đất trên không liên quan về đất họ tộc, từ đường. Lúc này anh em ông N mới biết nhà, đất của cha mẹ để lại đã được UBND thị xã N2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH-01589 cho bà Trần Thị K.

Ông Trần Tuấn N yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-01589, vì: UBND thị xã N2 cấp không đúng pháp luật, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của anh em ông N; di sản nhà, đất trên là của cụ T3 và cụ T4 không để lại di chúc nên thuộc quyền thừa kế của các con; bà K là con dâu, không có giấy tờ, tài liệu thể hiện bà K có quyền đối với nhà đất trên.

Theo văn bản số: 2016/UBND ngày 08/6/2021, người bị kiện là UBND thị xã N2 trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Năm 1985 ông Trần Tuấn L kê khai đăng ký quyền sử dụng ruộng đất, giấy tờ thất lạc. Theo ý kiến của Hội đồng đăng ký ruộng đất, ông L được quyền đăng ký chính thức diện tích 155m². Nguồn gốc do cha mẹ để lại, không có giấy tờ. Năm 2014 ông L mất, bà Trần Thị K vợ ông L tiếp tục quản lý sử dụng (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 55, phường N1); Bà Trần Thị K được nhận phần tài sản nhà và đất của ông Nguyễn Tuấn L để lại, theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được UBND phường N1 chứng thực ngày 26/3/2018, số chứng thực: 19/2018, quyền số 01/2018-SCT/HĐ-GD.

Về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị K: Sau khi nhận được đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị K, UBND phường N1 tiến hành kiểm tra xác minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, niêm yết công khai toàn bộ hồ sơ tại trụ sở UBND phường, kết thúc thời gian niêm yết, hồ sơ được chuyển đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại N2 để kiểm tra, xác nhận hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trình UBND thị xã ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hồ sơ

được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục theo quy định hiện hành.

Căn cứ khoản 1 Điều 100; khoản 3 Điều 103, khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013; điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, hồ sơ đủ điều kiện nên UBND thị xã N2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH-01589 cho bà Trần Thị K là đúng quy định.

Tại bản tự khai ngày 18/3/2021 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị K trình bày:

Bà Trần Thị K và ông Trần Tuấn L (ông L là con ruột cụ Trần T3 và cụ Nguyễn Thị T4) kết hôn với nhau năm 1976, quá trình chung sống vì chưa có nhà ở nên vào năm 1981 cụ T3 và cụ T4 cho ở ngôi nhà tại thửa số 83, tờ bản đồ số 55, diện tích 170,5m², trên đất có nhà cấp 4, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ, nền xi măng, diện tích xây dựng 62,4m², tại tổ dân phố 11, phường N1, thị xã N2 (viết tắt là nhà, đất tại tổ dân phố 1) do cụ T3 và cụ T4 mua của cụ Nguyễn Thị Tr vào ngày 30/8/1981.

Trong quá trình sử dụng nhà, đất bà K đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước, đồng thời làm tăng giá trị của đất và tôn tạo ngôi nhà. Ngày 01/4/2014, ông Trần Tuấn L chết. Hiện nay nhà ở bị xuống cấp, dột nát, bà làm đơn xin sửa chữa nhưng không được chấp nhận vì ông N có đơn ngăn cản.

Ngày 21/6/2018, UBND thị xã N2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-01589 cho bà K dựa trên Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 23/4/1985 của ông Trần Tuấn L được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã xác nhận.

Ông Trần Tuấn N yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-01589 bà K không đồng ý.

Tại các bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà: Trần Thị Ngọc T2, Trần Tuấn K1, Trần Thị Ngọc Th1, Trần Tuấn Ng, Trần Tuấn Th, Trần Tuấn H1, Trần Thị Ngọc Th2 và người đại diện theo ủy quyền bà Dương Thị Trân Thu V trình bày: Thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông Trần Tuấn N.

Tại các bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông, bà Trần Đăng Q, Trần Ngọc C và Trần Ngọc T1

trình bày: Các ông, bà là con của ông L và bà K, sinh sống tại nhà, đất tại tổ dân phố 11 và thống nhất ý kiến, yêu cầu của bà Trần Thị K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà: Bà Đặng Thị T4, Trần Ngọc K2, Trần Đăng C1, Trần Ngọc Th3, Huỳnh Thị Diễm Th4, Huỳnh Trần

Công Th5, Huỳnh Trần Quỳnh N3 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa và không có lời khai.

Kèm theo đơn khởi kiện, ý kiến người bị kiện, ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các đương sự đã nộp các tài liệu chứng cứ đã được công khai tại biên bản công khai chứng cứ và tại phiên tòa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 18/03/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Áp dụng Điều 97, 98, 99, 100 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tuấn N, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 537909, số vào sổ cấp GCN: CH-01589 do UBND thị xã N2 Cấp ngày 21/6/2018 đối với thửa đất số 83, Tờ bản đồ số 55, phường N1, thị xã N2, diện tích 170,5m², mục đích sử dụng: Sử dụng riêng cho bà Trần Thị K, trú tại: Tổ dân phố 11, phường N1, thị xã N2.

2. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí định giá, án phí dân sự sơ thẩm, quy định về thi hành án và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận được đơn kháng cáo đề ngày 05/4/2022 của bà Trần Thị K người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kháng cáo đề nghị tòa phúc thẩm xử sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông Trần Tuấn N.

- Ngày 20/6/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn trình bày ý kiến về kháng cáo ngày 20/6/2022 của bà Dương Thị Trần Thu V người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Tuấn N, đề nghị tòa phúc thẩm xử giữ y án sơ thẩm, bác đơn kháng cáo của bà Trần Thị K.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị K vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 18/03/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa như nội dung đơn kháng cáo. Người đại diện hợp pháp cho Người khởi kiện, bà Dương Thị Trần Thu V vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Người khởi kiện; không chấp nhận đơn kháng cáo của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị K; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà

Trần Thị K; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; nhiều người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do; theo đề nghị của đại diện người khởi kiện và Kiểm sát viên, HĐXX quyết định tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc đất bà K đang sử dụng, HĐXX thấy rằng: Căn nhà cấp 4, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ, nền xi măng, diện tích xây dựng 62,4m² gắn liền với quyền sử dụng 170,5m² đất có số thửa 83, tờ bản đồ số 55 tại tổ dân phố 11, phường N1, thị xã N2, tỉnh Khánh Hòa là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng cụ Trần T3 và Nguyễn Thị T4, do cụ T4 mua lại của cụ Nguyễn Thị Tr vào ngày 30/8/1981. Trước đây cụ T3, cụ T4 cho vợ chồng con trai cả là ông Trần Tuấn L và bà Trần Thị K ở chung trong gia đình. Đến khi cả 03 người là cụ Trần T3, cụ Nguyễn Thị T4 và ông Trần Tuấn L đều chết thì bà K tự ý lập văn bản phân chia di sản thừa kế để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì cho rằng đó là tài sản của ông L được cụ T3 và cụ T4 cho ở và sử dụng ổn định không có ai tranh chấp. Trên cơ sở đó, ngày 21/6/2018 Ủy ban nhân dân thị xã N2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 537909, sổ vào sổ cấp GCN: CH01589 cho bà Trần Thị K.

[2.2] Xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 537909, sổ vào sổ cấp GCN: CH01589 do Ủy ban nhân dân thị xã N2 cấp ngày 21/6/2018 cho bà Trần Thị K, HĐXX thấy rằng: cụ Trần T3 (1934- 2010) và cụ Nguyễn Thị T4 (1932- 2013) sinh được 09 người con gồm: ông Trần Tuấn L (mất năm 2004); ông Trần Tuấn N, bà Trần Thị Ngọc T2, ông Trần Tuấn K1, bà Trần Thị Ngọc Th1, ông Trần Tuấn H1, ông Trần Tuấn Ng, ông Trần Tuấn Th và bà Trần Thị Ngọc Th2. Khi chết cụ T3, cụ T4 không để lại bất kỳ di chúc nào cho những người con, do vậy tài sản trên là di sản thừa kế chung cho 09 người con. Vào ngày 17/11/2009, UBND thị trấn N2 mời cụ Nguyễn Thị T4 lên UBND để làm thủ tục giấy tờ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng do cụ T3 và cụ T4 bị bệnh không đi được, những người con khác thì bận việc, nên bà K đã tự ý mang giấy xác nhận của họ tộc về sở hữu nhà đất do cha mẹ mua trước đây để làm thủ tục cấp cho riêng bà; việc UBND thị xã N2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 537909 ngày 21/6/2018 cho bà Trần Thị K là không đúng pháp luật. Do vậy tòa án cấp sơ thẩm xử hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 537909 ngày 21/6/2018 cấp cho bà Trần Thị K là có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị K, HĐXX thấy rằng: Nhà và đất tọa lạc

tại thửa số 83, tờ bản đồ số 55, diện tích 70,5m² trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ, nền xi măng, diện tích xây dựng 62,4m² tại tổ dân phố 11, phường N1, thị xã N2 là tài sản của cụ T3 và cụ T4, các cụ cho vợ chồng con trai cả ở với các cụ trong số 09 người con vì không có chỗ ở. Khi cụ Trần T3, cụ Nguyễn Thị T4 và ông Trần Tuấn L chết đều không để lại di chúc, bà K tự ý lập văn bản phân chia di sản thừa kế để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì cho rằng đó là tài sản của ông L được cụ T3 và cụ T4 cho ở và sử dụng ổn định không có ai tranh chấp là không đúng theo quy định phân chia thừa kế tại điều 651 Bộ luật dân sự 2015. Mặt khác trong quá trình thu thập hồ sơ để giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà K không cung cấp được giấy tờ của cụ T3 và cụ T4 tặng cho ông L nhưng UBND thị xã N2 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở số CM 537909, sổ vào sổ cấp GCN: CH01589 nhà và đất trên cho bà Trần Thị K là không đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 537909 ngày 21/6/2018 cấp cho bà Trần Thị K là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay bà K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng mới; do đó HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của đại diện cho bà Trần Thị K; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

1/ Bác kháng cáo của bà Trần Thị K; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 18/03/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Áp dụng Điều 97, 98, 99, 100 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tuấn N, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 537909, sổ vào sổ cấp GCN: CH-01589 do UBND thị xã N2 Cấp ngày 21/6/2018 đối với thửa đất số 83, Tờ bản đồ số 55, phường N1, thị xã N2, diện tích 170,5m², mục đích sử dụng: Sử dụng riêng cho bà Trần Thị K, trú tại: Tổ dân phố 11, phường N1, thị xã N2.

2/Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị K phải nộp 300.000đ; bà đã tạm ứng 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai số 9883 ngày 12/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (bà đã nộp đủ án phí phúc thẩm)

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (13/9/2022)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Dương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường